

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2021/HC-PT

Ngày: 28/4/2021

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 488/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 44/2020/HC-ST ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3349/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trương Công H, sinh năm 1980; Bà Phùng Thị H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Phố B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thành V; địa chỉ: Phố B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N – Phó chủ tịch UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- + NBV1 – Trưởng phòng Tư pháp thị xã N, có mặt.
- + NBV2 – Phó Chánh Văn phòng UBND thị xã N, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N - Chủ tịch UBND phường, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L – công chức địa chính phường, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Toà án, người khởi kiện ông Trương Công H, bà Phùng Thị H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất gia đình ông, bà đang khiếu kiện do ông Lê Thanh Đ khai hoang từ năm 1993, không nằm trong quỹ đất công ích do UBND xã (nay là UBND phường) quản lý và đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình. Năm 1997, gia đình ông Đ làm nhà trên thửa đất đó. Năm 2005, ông Đ chuyển nhượng cho bà Phạm Thị M 120m² đất ở. Năm 2007, bà M nhượng lại cho ông và ông đã làm nhà ở sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Ngày 24/10/2012, bà M làm đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H được UBND phường H xác nhận.

Hồ sơ địa chính và bản đồ phường H thể hiện: Năm 1986 thửa đất của ông H là một phần thửa đất 392 tờ bản đồ 01 diện tích 19.800m², loại đất màu sô mục kê ghi chủ sử dụng đất là UBND phường H. Năm 2011, thửa đất của ông H diện tích 124,9m² thuộc một phần thửa số 18, tờ bản đồ số 59, diện tích 7.582m² loại đất ONT, mục kê ghi tên ông Trương Công H. Theo trích đo địa chính khu đất số 40/TĐTC ngày 16/8/2014 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa thể hiện thửa đất của ông H đang khiếu nại thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 03 diện tích 124,2m² loại đất ONT (hiện trạng có nhà trên đất); diện tích thu hồi 61,0m² diện tích ngoài mốc 63,2m².

Thực hiện dự án đường Đông Tây 4 đi Cảng N, tại Quyết định số 1609/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1615/QĐ-UBND cùng ngày 23/3/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện T (nay là UBND thị xã N) thu hồi của gia đình ông 61m² là đất ở, nhưng chỉ bồi thường theo giá đất trồng cây hàng năm. Không đồng ý với giá đất bồi thường. Ông H đã làm đơn khiếu nại đến UBND thị xã nhưng không được chấp nhận. Do vậy ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa gồm: Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về việc thu hồi đất; Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại. Buộc UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định mới bồi thường cho hộ ông Trương Công H 61m² bằng giá đất ở.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết tại Toà án, đại diện theo ủy

quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Thành V trình bày:

Thửa đất hộ ông H và bà H đang khởi kiện có nguồn gốc và quá trình sử dụng đúng như UBND thị xã N xác định. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định đây là đất nông nghiệp của UBND thị xã N bởi: Thửa đất của ông H đã được ông Lê Thành Đ làm nhà ở từ năm 1997 tức là trước thời điểm 01/7/2014. Ông H được kế thừa quyền và nghĩa vụ về đất đai của ông Đ nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì đất của ông H được công nhận là đất ở. Việc chuyển nhượng đất từ ông Đ sang bà M năm 2005 và từ bà M sang ông H năm 2007, đã được UBND phường H xác nhận việc chuyển nhượng là hợp pháp thể hiện qua đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/10/2012 và biên bản kiểm tra hiện trạng nhà và đất chuyển nhượng ngày 25/10/2012 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H. Theo bản đồ hiện trạng phường H đo vẽ năm 2011, thửa đất của ông H thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 59, diện tích 124,9m² loại đất ONT (đất nông thôn), mục kê ghi tên ông Trương Công H. Đến năm 2014 được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt thuộc thửa 94 bản đồ số 03 diện tích 124m² cũng là đất ở. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định thi hành Luật đất đai, đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 11 Luật đất đai nhưng không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng sử dụng, vì vậy toàn bộ diện tích 124m² của ông H được xác định là đất ở là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công H.

Tại Văn bản ý kiến số 17/UBND ngày 03/01/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND và UBND thị xã N trình bày: Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Trước năm 1996, thửa đất của hộ ông H là đất sản xuất nông nghiệp do UBND phường H quản lý; từ sau năm 1996 đến trước ngày 01/7/2004 thuộc một phần thửa đất do hộ ông Lê Văn Đ sử dụng (ông Đ làm nhà ở trên thửa đất này vào thời điểm năm 1997). Ngày 11/6/2005, ông Đ chuyển nhượng 120m² cho bà Phạm Thị M (trên đất không có công trình nhà ở). Năm 2007, bà M chuyển nhượng cho hộ gia đình ông H, ông H xây dựng nhà ở từ năm 2007 và sử dụng ổn định đến nay.

UBND phường H đã xác định đất của hộ ông Trương Công H có thời điểm sử dụng vào mục đích để ở từ sau 01/7/2004, không có một trong các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Vào thời điểm ông Đ chuyển nhượng đất cho bà M năm 2005 theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành thì diện tích đất của ông Đ không được công nhận là đất ở (chỉ được công nhận là đất ở khi Nghị định 84/2007/NĐCP ngày 25/5/2007 có hiệu lực). Diện tích của bà M nhận chuyển nhượng từ ông Đ là đất nông nghiệp sau đó bà M chuyển nhượng diện tích đất này cho ông H cũng là đất nông nghiệp. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đất ở của gia đình

ông H là sau 01/7/2004.

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 đối với trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 11 Luật đất đai, khoản 2 Điều 20 Nghị định 43; Điều 13 Nghị định 47; đối chiếu với quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. UBND thị xã N đã thực hiện thu hồi đất đối với hộ ông Trương Công H là đất nông nghiệp theo Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 23/3/2018. Do không đồng ý với việc thu hồi đất là đất nông nghiệp, ông Trương Công H đã có đơn khiếu nại Quyết định thu hồi đất nêu trên. Chủ tịch UBND thị xã N đã giải quyết nội dung khiếu nại của hộ ông Trương Công H bằng Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại được bồi thường thu hồi diện tích 61m² là đất ở của hộ ông Trương Công H.

Như vậy, yêu cầu hủy các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về việc thu hồi đất; Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại) và buộc UBND thị xã N ra Quyết định mới bồi thường cho hộ ông H 61m² bằng giá đất ở của ông H và bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại Văn bản số 71/UBND ngày 12/5/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, Chủ tịch UBND phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa trình bày: Thống nhất với quan điểm, ý kiến của UBND thị xã N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2020/HC-ST ngày 03/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào: Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 82; điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013; khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 6; Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại.

Bác đơn khởi kiện của ông Trương Công H, bà Phùng Thị H về yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy quyết định của UBND và quyết định của Chủ tịch UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa gồm: Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về việc thu hồi đất; Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại và yêu cầu buộc UBND thị xã N, tỉnh Thanh hóa ra Quyết định mới bồi thường cho hộ ông Trương Công H 61m² bằng giá đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo

quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2020, người khởi kiện là ông Trương Công H, bà Phùng Thị H kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và nhận định thửa đất của gia đình có nguồn gốc là đất nông nghiệp, tại thời điểm thu hồi đất gia đình tự chuyển mục đích sử dụng thành đất ở chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép nên không được bồi thường như đất ở là áp dụng sai quy định của pháp luật. Thửa đất này do gia đình nhận chuyển nhượng của bà M, không thuộc trường hợp lấn chiếm, chuyển mục đích trái phép. Theo bản đồ địa chính năm 2011, thửa đất của gia đình ông bà được xác định là đất ở nên phải được bồi thường theo hiện trạng thực tế khi thu hồi là đất ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V đại diện theo ủy quyền của ông H và bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo với lý do ông H sử dụng đất không có giấy tờ nhưng không phải do lấn chiếm và đã được xác định là đất ở theo sổ mục kê đã được phê duyệt. Đại diện Ủy ban nhân dân phường H vẫn xác định: Năm 2005, bà M nhận chuyển nhượng đất của ông Đ thì diện tích đất này vẫn là đất nông nghiệp, không có công trình nhà ở. Năm 2007, ông H nhận chuyển nhượng từ bà M và sử dụng đất làm nhà ở khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là chuyển mục đích trái quy định. Mặt khác, ông H sử dụng đất làm nhà ở sau thời điểm ngày 01/7/2004 nên không thể áp dụng Nghị định 84/2007/NĐCP của Chính Phủ có hiệu lực ngày 25/5/2007. Quan điểm của người bảo vệ và quyền lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã N cho rằng: Quy hoạch khu kinh tế N đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt từ năm 2006. Theo đó, toàn bộ đất của xã H là đất giao thông, công cộng, khu công nghiệp nên đất của ông H sử dụng nằm trong quy hoạch không được chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở. Bản đồ địa chính đo đạc năm 2011 là theo chủ trương của UBND tỉnh Thanh Hóa cho phép đo vẽ lại. Cơ quan đo đạc và gia đình có đất kê khai theo thực tế sử dụng thì cơ quan lập bản đồ ghi loại đất của các hộ ghi theo thực tế các hộ đang sử dụng đất, trong đó diện tích đất của ông H đang sử dụng có nhà trên đất nên được ghi là đất ở nông thôn còn bản đồ 299 năm 1986 thể hiện đất của ông H là đất nông nghiệp. Khi bà M chuyển nhượng cho ông H trên đất không có tài sản, công trình trên đất. Sau khi mua ông H không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng và việc chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất phải nằm trong kế hoạch, phù hợp quy định và phải nộp tài chính. Ông H đã tự làm nhà trên đất, năm 2012 mới làm thủ tục mua bán với bà M và ghi loại đất ở nông thôn theo bản đồ lập năm 2011 là không chính xác và không đúng quy định của Luật đất đai nên khi thu hồi thực hiện dự án chỉ được bồi thường theo quy định đối với đất trồng cây lâu năm là đúng và đảm bảo quyền lợi cho ông H. Những trường hợp mua đất tương tự như của ông H nhưng làm nhà ở trước thời điểm tháng 7/2004 thì được xác định là đất ở và phải nộp 50% tài chính là đúng quy định của Luật đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H

với lý do: Diện tích đất ông H mua của bà M năm 2007 có nguồn gốc là đất nông nghiệp và nằm trong quy hoạch khu kinh tế N nên không được chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đất của ông H không được xác định là đất ở nên Quyết định thu hồi đất của UBND huyện T và và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành là có căn cứ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trình bày của của các bên đương sự và đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Thành V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là hủy Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về việc thu hồi đất của UBND và Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu buộc UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định mới bồi thường cho hộ ông Trương Công H 61m² bằng giá đất ở. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đối tượng khởi kiện của ông H là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 30 Luật tổ tụng Hành chính là chính xác.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện và thời hạn kháng cáo:

Quyết định số 1609/QĐ-UBND của UBND huyện T ban hành ngày 23/3/2018 và Quyết định số 6923/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện T ban hành ngày 18/10/2019 thì ngày 20/11/2019, ông H có đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính. Ngày 13/8/2020, ông H có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa xử ngày 03/8/2020 và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên vụ án được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hạn kháng cáo theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông H:

Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông H vẫn xác định nguồn gốc đất ông sử dụng và bị UBND huyện T thu hồi một phần để thực hiện Dự án đường Đông tây 4 đi cảng N là đất nhận chuyển nhượng của bà M từ năm 2007, trên đất không có công trình, tài sản. Năm 2012, ông H và bà M mới làm hợp đồng mua bán và xác định trong hợp đồng là đất ở nông thôn trên cơ sở bản đồ đo đạc năm 2011. Tuy nhiên, theo Bản đồ 299 và sổ mục kê năm 1986 vẫn thể hiện thửa đất của hộ ông H, bà H đang sử dụng và bị thu hồi một phần vẫn là đất nông nghiệp do UBND phường H quản lý. Từ khi ông Đ sử dụng năm 1993 đến khi bán cho bà M năm 2005 và khi bà M bán cho ông H năm 2007, thửa đất vẫn chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông

nghiệp sang đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Mặt khác, theo quy hoạch khu kinh tế N đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt từ năm 2006 thì toàn bộ đất của xã H (nay là phường H) nằm trong quy hoạch là đất giao thông, công cộng, khu công nghiệp nên đất của ông H sử dụng nằm trong quy hoạch không được chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở. Việc gia đình ông H tự chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất ở là không đúng quy định của pháp luật. Thời gian sử dụng đất làm nhà ở của ông H sau ngày 01/7/2004 nên không có căn cứ áp dụng Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ như trình bày của UBND thị Xã N là chính xác. Bản đồ địa chính đo đạc năm 2011 thể hiện loại đất từng ô thửa là do cơ quan đo đạc và gia đình có đất kê khai theo thực tế sử dụng vì thời điểm này ông H đã làm nhà trên đất. Do đó, ông H căn cứ vào Bản đồ đo đạc năm 2011 và nội dung trong hợp đồng mua bán đất với bà M ghi loại đất chuyển nhượng là đất ở nông thôn cũng như thực tế sử dụng đất của gia đình để cho rằng diện tích đất gia đình ông bị thu hồi là đất ở và phải được bồi thường theo giá đất ở là không có căn cứ. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “Việc thiếu sót trong việc lập bản đồ địa chính và không xử lý vi phạm về chuyển mục đích sử dụng đất trái phép đối với hộ ông Trương Công H thuộc về trách nhiệm của cơ quan quản lý địa phương” là chính xác. Theo đó, yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông H hủy Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về việc thu hồi đất của UBND và Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu buộc UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định mới bồi thường cho hộ ông Trương Công H 61m² bằng giá đất ở là không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H và bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Công H, bà Phùng Thị H; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2020/HC-ST ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:

Áp dụng Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 82; điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014; Điều 6 và Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại.

Bác đơn khởi kiện của ông Trương Công H, bà Phùng Thị H về yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về việc thu hồi đất của UBND, Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu buộc UBND thị xã N, tỉnh Thanh hóa ra Quyết định mới bồi thường cho hộ ông Trương Công H 61m² đất bằng giá đất ở.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đình Công H và bà Phùng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007063 ngày 24/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu PHCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Sơn